

\*  
Số -TTr/ĐU

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

**xin chủ trương Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031**

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Ngày 12/6/2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 11/QĐ-HĐND về việc chấp thuận danh mục nghị quyết trình tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương **08** Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 thuộc lĩnh vực kinh tế - ngân sách, cụ thể:

**I. NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 01/2026/NQ-HĐND NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**1. Sự cần thiết ban hành văn bản**

**1.1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Đất đai năm 2024; Nghị quyết số 254/2025/QH15; các nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**1.2. Cơ sở thực tiễn**

Sau thời gian triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND, qua rà soát thực tế trên địa bàn tỉnh cho thấy một số nội dung của Bảng giá đất hiện hành phát sinh bất cập, chưa phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước về đất đai.

Cụ thể, một số tuyến đường, khu vực, vị trí đất được quy định giá chưa phù hợp với điều kiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và mặt bằng giá đất phổ biến trên thị trường; một số khu tái định cư, khu dân cư, tuyến đường đầu tư mới chưa được quy định trong bảng giá đất; một số khu vực giáp ranh còn có chênh

lệch giá chưa hợp lý; giá đất nông nghiệp tại một số khu vực chưa phản ánh tương đối phù hợp với điều kiện sản xuất và khả năng khai thác sử dụng đất.

Bên cạnh đó, trong quá trình tổ chức thực hiện phát sinh một số khó khăn, vướng mắc cần được rà soát, điều chỉnh nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và khả thi trong thực tiễn áp dụng.

Do đó, việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND là cần thiết.

## **2. Quá trình xây dựng sửa đổi, bổ sung bảng giá đất**

Thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 254/2025/QH15, Nghị định số 71/2024/NĐ-CP; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tổ chức lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất bằng văn bản đối với UBNDTTQ Việt Nam, các sở, ban ngành tỉnh, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan. Trên cơ sở ý kiến góp ý, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã rà soát, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất, hồ sơ có liên quan và trình Hội đồng thẩm định bảng giá đất. Sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định, Sở tiếp tục hoàn thiện dự thảo và trình Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết; trên cơ sở kết quả thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp thẩm quyền xem xét, ban hành, làm cơ sở triển khai thực hiện theo quy định.

## **3. Nguyên tắc, tiêu chí sửa đổi, bổ sung bảng giá đất**

Việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp được thực hiện trên nguyên tắc bảo đảm cân đối giữa các đô thị, các khu vực, phù hợp với điều kiện hạ tầng, vị trí và mức độ phát triển, đồng thời duy trì tương quan hợp lý giữa các loại đất, giữa đô thị và nông thôn, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, người sử dụng đất và nhà đầu tư.

Việc xác định, điều chỉnh giá đất căn cứ vào các yếu tố: vị trí; khả năng kết nối; điều kiện hạ tầng kỹ thuật (cấp đường, độ rộng đường, kết cấu đường, hạ tầng phục vụ); hạ tầng xã hội (chợ, trường học, cơ sở y tế, thương mại,..); mức độ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng sinh lợi và hiệu quả sử dụng đất của khu vực; điều kiện sản xuất, kinh doanh và khả năng tiêu thụ sản phẩm.

## **4. Nội dung của dự thảo nghị quyết**

Trên cơ sở khảo sát và tổng hợp ý kiến của các địa phương, đề xuất:

- Giữ ổn định đối với các khu vực có giá phù hợp với mặt bằng thị trường gồm: **1.763** tuyến đường trên địa bàn và tại các khu tái định cư, khu dân cư, cụm dân cư; 03 Khu Công nghiệp, 09 Cụm công nghiệp, 01 Tuyến công nghiệp, Khu Cửa khẩu quốc tế Thường Phước, Khu Cửa khẩu quốc tế Dinh Bà thuộc 45 xã, phường (Đồng Tháp cũ) theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND.

- Điều chỉnh, bổ sung giá đất đối với một số khu vực, tuyến đường, vị trí đất chưa phù hợp với tình hình thực tế gồm: **1.367** tuyến đường trên địa bàn và tại các khu tái định cư, khu dân cư, cụm dân cư; 04 Khu Công nghiệp, 05 Cụm công nghiệp thuộc 57 xã, phường (Tiền Giang cũ).

- Bổ sung **464** tuyến đường trên địa bàn và tại các khu dân cư, khu tái định cư, khu vực phát sinh mới chưa được quy định trong bảng giá đất hiện hành.

- Điều chỉnh giá đất tại một số khu vực giáp ranh để bảo đảm tính tương quan hợp lý giữa các địa bàn liền kề.

- Điều chỉnh, bổ sung giá đất nông nghiệp nhằm phù hợp hơn với điều kiện sản xuất, khả năng khai thác, sử dụng đất và mặt bằng giá đất phổ biến trên thị trường.

- Điều chỉnh, bổ sung một số quy định nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Bảng giá đất, trong đó làm rõ quy định về thửa đất mặt tiền, khu vực và vị trí đất nông nghiệp, nguyên tắc xác định giá đất và bổ sung quy định chuyển tiếp đối với các xã được thành lập phường để bảo đảm việc áp dụng Bảng giá đất liên tục, thống nhất.

- Quy định mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường theo quy định pháp luật, cụ thể:

Mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường là 1,0;

Mức tối đa của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường là 5,0.

Trường hợp thị trường có biến động, hệ số được xem xét điều chỉnh tăng nhưng không vượt quá 02 lần mức tối đa.

## **5. Bộ cục và nội dung cơ bản của dự thảo nghị quyết**

### **5.1. Bộ cục Dự thảo Nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết gồm 06 Điều và 04 phụ lục kèm theo.

### **5.2. Nội dung cơ bản**

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 2.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 3.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 4.

Điều 4. Bổ sung Điều 5a sau Điều 5.

Điều 5. Thay thế Phụ lục 1, Phụ lục 2a, Phụ lục 2b, Phụ lục 3, Phụ lục 4.

Điều 6. Điều khoản thi hành.

## **6. Nội dung xin ý kiến**

Hiện nay, khu vực đất nông trường tại Tân Phước đang được định hướng triển khai các dự án khu công nghiệp nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư. Việc điều chỉnh giá đất nông nghiệp tại vị trí 5, vị trí 6 theo dự thảo Nghị quyết sẽ dẫn đến chênh lệch về mức hỗ trợ giữa các hộ dân đã nhận

tiền trước đây và các trường hợp thực hiện sau khi Nghị quyết có hiệu lực, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh khiếu nại và ảnh hưởng đến tiến độ giải phóng mặt bằng.

Để bảo đảm tính ổn định của chính sách, tạo sự đồng thuận của người dân, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án và thu hút đầu tư trên địa bàn, đồng thời thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 18/5/2026 về việc điều chỉnh, bổ sung các nội dung mới theo hướng hạn chế tác động đến doanh nghiệp, thu hút đầu tư và phát triển kinh tế của tỉnh, do đó đề xuất giữ nguyên giá đất nông nghiệp tại vị trí 5, vị trí 6 theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND đối với khu vực đất nông trường tại Tân Phước.

## **II. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG, GIẢI PHÁP CỦA CHƯƠNG TRÌNH BỐ TRÍ DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

### **1. Sự cần thiết ban hành văn bản**

#### **1.1. Cơ sở pháp lý**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản sửa đổi, bổ sung; Luật Nhà ở và các văn bản sửa đổi, bổ sung; các nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; các thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Chương trình.

#### **1.2. Cơ sở thực tiễn**

Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lụt tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 1 và 2 (*kết thúc từ năm 2015*) đã đạt được những kết quả quan trọng, đảm bảo an toàn về người và tài sản cho nhân dân vùng thường xuyên bị ngập lụt, tạo điều kiện ổn định cuộc sống lâu dài, ổn định tình hình an sinh xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhằm yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong quá trình đầu tư cơ sở hạ tầng làm phát sinh yêu cầu bố trí tái định cư phục vụ dự án; do đặc điểm tự nhiên và tập quán sinh sống ven sông, kênh, rạch, hiện tại trên địa bàn tỉnh có rất nhiều hộ dân hiện đang sinh sống trong khu vực sạt lở nguy hiểm hoặc vành đai sạt lở<sup>1</sup> cần được bố trí đến nơi ở an toàn để phát triển kinh tế và ổn định đời sống.

Tại điểm a khoản 2 mục IV Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định: "*a) Căn cứ quy định của pháp luật về đất đai và các quy định của pháp luật có liên quan, các địa phương có biện pháp giao đất ở, đất sản xuất cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án bố trí ổn định*

<sup>1</sup> Theo Công văn số 26/CCPTNT-PTNT ngày 07/01/2025 của Chi cục Phát triển nông thôn thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn toàn tỉnh hiện có 3.786 hộ dân đang sinh sống trong vành đai sạt lở khẩn cấp cần phải di dời (cự ly từ 0-30m tính từ bờ sông)

*dân cư, đảm bảo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế, tập quán ở địa phương. Thực hiện miễn, giảm tiền sử dụng đất ở đối với các hộ gia đình, cá nhân theo quy định.”;*

Tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định: “3. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, xây dựng và trình **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành cơ chế, chính sách** hỗ trợ thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình bố trí dân cư”.

Theo đó, tỉnh Đồng Tháp (trước sáp nhập) có Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp để tổ chức thực hiện; tỉnh Tiền Giang chưa ban hành quy định.

Bên cạnh đó, Kết luận số 26-KL/TW ngày 24/4/2026 của Bộ Chính trị xác định nhiệm vụ trọng tâm là sắp xếp, di dời dân cư tại các khu vực thường xuyên ngập úng, có nguy cơ cao xảy ra sụt lún, sạt lở; ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng các khu, tuyến dân cư an toàn và có chính sách hỗ trợ phù hợp nhằm giúp người dân sớm ổn định cuộc sống, thích ứng bền vững với biến đổi khí hậu.

Nhằm đảm bảo cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình bố trí dân cư được triển khai và áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh sau sáp nhập. Việc ban hành Nghị quyết quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là cần thiết.

## **2. Bộ cục và nội dung cơ bản của dự thảo văn bản**

### **2.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**2.1.1. Phạm vi điều chỉnh:** Quy định một số nội dung hỗ trợ để thực hiện bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

**2.1.2. Đối tượng áp dụng:** Đối tượng áp dụng gồm các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, đầu tư xây dựng các dự án bố trí dân cư; hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bố trí ổn định dân cư theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; và hộ gia đình, cá nhân di cư tự do có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

### **2.2. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết**

Dự thảo Nghị quyết gồm 11 Điều, cụ thể như sau:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Giải thích từ ngữ
- Điều 4. Nguyên tắc thực hiện xây dựng các cụm, tuyến dân cư

- Điều 5. Cơ chế đầu tư xây dựng các cụm, tuyến dân cư thuộc dự án bố trí ổn định dân cư tập trung
- Điều 6. Nguyên tắc giao đất ở tại các cụm, tuyến dân cư
- Điều 7. Cơ chế thu tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đối với nền nhà chính sách trong cụm, tuyến dân cư
- Điều 8. Cơ chế về nền nhà trong cụm, tuyến dân cư
- Điều 9. Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng được bố trí ổn định dân cư
- Điều 10. Nguồn vốn thực hiện
- Điều 11. Điều khoản thi hành

### **2.3. Nội dung cơ bản**

Trên cơ sở quy định của pháp luật về đất đai; pháp luật về nhà ở; vận dụng một số cơ chế, chính sách thuộc Chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long; tổng hợp ý kiến góp ý của các Sở, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Dự thảo Nghị quyết quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp có những nội dung cơ bản như sau:

**2.3.1. Về đối tượng được bố trí ổn định dân cư (khoản 2, khoản 3 Điều 2 Dự thảo):** Căn cứ đối tượng của Chương trình Bố trí dân cư được quy định tại mục 2 phần I Điều 1 Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

**2.3.2. Cơ chế đầu tư xây dựng các cụm, tuyến dân cư thuộc dự án bố trí ổn định dân cư tập trung trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (Điều 5 Dự thảo)**

Vận dụng điểm đ khoản 1 Điều 1 Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 14/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung một số cơ chế, chính sách thuộc chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông cửu long giai đoạn 2018 – 2020.

**2.3.3. Cơ chế giao đất ở tại các cụm, tuyến dân cư (Điều 6 Dự thảo):**

Theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**2.3.4. Cơ chế thu tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đối với nền nhà chính sách trong cụm, tuyến dân cư (Điều 7 Dự thảo)**

Áp dụng theo các quy định của pháp luật về đất đai (*hiện nay là Luật Đất đai, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định 291/2025/NĐ-CP của Chính phủ, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ*).

**2.3.5. Cơ chế về nền nhà trong cụm, tuyến dân cư (Điều 8 Dự thảo)**

Vận dụng điểm đ khoản 1 Điều 1 Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 14/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung một số cơ

chế, chính sách thuộc chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư và nhà ở vùng ngập lũ đồng bằng sông cửu long giai đoạn 2018 – 2020; áp dụng quy định tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ và quy định về chính sách tái định cư theo quy định khi nhà nước thu hồi đất triển khai các dự án đầu tư phát triển kinh tế xã hội

### **2.3.6. Mức hỗ trợ trực tiếp đối tượng được bố trí ổn định dân cư (Điều 9 Dự thảo)**

*“1. Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình bố trí dân cư khi di chuyển đến nơi ở mới theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đã hoàn thành việc xây dựng nhà ở và vào ở ổn định được hỗ trợ về nhà ở, lương thực (trong thời gian đầu đến nơi tái định cư) với mức hỗ trợ cụ thể như sau:*

*a) Hỗ trợ 30 triệu đồng/hộ để di dời nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ thiên tai theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 13/2025/TT-BNNMT.*

*b) Hỗ trợ 60 triệu đồng/hộ để xây dựng nhà ở đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị quyết này khi được bố trí nền nhà chính sách trong các cụm, tuyến dân cư tại các xã biên giới đất liền.*

*2. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà quy định tại khoản 1 Điều này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP của Chính phủ.*

*3. Trình tự, thủ tục thực hiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP của Chính phủ.*

*4. Trường hợp đối tượng được hưởng nhiều mức hỗ trợ thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.”*

### **2.3.7. Kinh phí hỗ trợ (Điều 10 Dự thảo)**

*“Vốn xây dựng các cụm, tuyến dân cư và kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho các đối tượng được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương, địa phương và các nguồn hợp pháp khác.”*

## **3. Kết quả thực hiện quyết định số 590/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ**

Thực hiện Chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Đồng Tháp đang triển khai 05 dự án bố trí ổn định dân cư tập trung với quy mô 1.833 hộ, tổng mức đầu tư 574,7 tỷ đồng. Đồng thời, giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh dự kiến triển khai thêm 03 dự án với tổng mức đầu tư khoảng 451 tỷ đồng theo Nghị quyết số 91/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Các dự án nhằm bố trí nơi ở an toàn cho các hộ dân di cư tự do và hộ dân tại khu vực có nguy cơ sạt lở; góp phần ổn định đời sống, phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, đồng thời đầu tư đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu phát

triển đô thị và kinh tế - xã hội của địa phương.

Tuy nhiên, hiện vẫn còn thiếu quy định cụ thể đối với một số cơ chế, chính sách trong quá trình triển khai, như: sử dụng nguồn vốn để bồi thường, giải phóng mặt bằng; chính sách giao đất ở gắn với miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; mức hỗ trợ về nhà ở, lương thực và nước sinh hoạt đối với các hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình bố trí dân cư. Do đó, việc xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung, giải pháp của Chương trình bố trí dân cư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là điều kiện cần thiết để thực hiện các chương trình bố trí dân cư theo Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

### **III. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC THU PHÍ THƯ VIỆN TRONG PHẠM VI CÁC THƯ VIỆN CÔNG CỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

#### **1. Cơ sở ban hành Nghị quyết**

##### **a) Cơ sở pháp lý**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12;
- Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13;
- Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;
- Căn cứ Luật Thư viện số 46/2019/QH14;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;
- Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;
- Căn cứ Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 46/2006/TTLT/BVHTT-BTC ngày 25/4/2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa;
- Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định việc áp dụng, bãi bỏ một số Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh được nhập do sắp xếp đơn vị hành chính;

- Căn cứ Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 30/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu phí thư viện trong phạm vi các thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

### **b) Cơ sở thực tiễn**

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Đồng Tháp được thành lập trên cơ sở sáp nhập tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp, trung tâm hành chính tỉnh đặt tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang (trước hợp nhất). Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp (mới) ban hành Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 về việc áp dụng, bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh được nhập do sắp xếp đơn vị hành chính. Theo đó, mức thu phí thư viện trong phạm vi các thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (mới) tiếp tục được thực hiện theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 30/9/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang. Đồng thời chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp sớm trình ban hành Nghị quyết quy phạm pháp luật về mức thu phí thư viện để áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh.

Theo quy định của Luật Phí và lệ phí “*Thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: Quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền*”. Căn cứ quy định của Luật Phí và lệ phí Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 và Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đồng thời, thực tiễn cho thấy việc thực hiện chính quyền hai cấp dẫn đến cần có sự quy định rõ hơn về đối tượng phải nộp phí; cơ quan thu phí; miễn, giảm và một số tỷ lệ nộp Ngân sách Nhà nước, tỷ lệ được để lại đơn vị quản lý, sử dụng để phù hợp với thực tế hiện nay.

Từ cơ sở pháp lý và căn cứ thực tiễn cho thấy, việc xây dựng Nghị quyết quy định mức thu phí thư viện trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thay thế Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND là cần thiết và đúng quy định.

## **2. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Thực hiện Công văn số 837/UBND-TCDNC ngày 23/3/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc khẩn trương tham mưu xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác quản lý nhà nước sau sáp nhập, trong đó: “Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh khẩn trương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các văn bản để xử lý triệt để các văn bản tại Phụ lục I (trong đó có Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2020 quy định mức thu phí thư viện trong phạm vi các thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp)”.

Trên cơ sở rà soát, báo cáo của các Sở, ban, ngành, ngày 27/3/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh có Tờ trình số 361/TTr-UBND trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết trình tại các kỳ họp năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp (trong đó có Nghị quyết quy định mức thu phí thư viện trong phạm vi các thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp).

Quy trình xây dựng Nghị quyết thực hiện theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ): Tổ chức xây dựng dự thảo văn bản, lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương; đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; tổ chức thẩm định văn bản; tiếp thu ý kiến của sở, ngành, địa phương và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; hoàn chỉnh hồ sơ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành theo quy định.

### **3. Nội dung dự thảo Nghị quyết**

#### **a) Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu phí thư viện trong phạm vi các thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 8 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC.

#### **b) Đối tượng áp dụng**

- Đối tượng nộp phí: Các cá nhân có nhu cầu làm thẻ đọc, thẻ mượn tài liệu tại các thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Đơn vị thu phí: Các thư viện công cộng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**4. Kinh phí thực hiện:** Sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên giao cho cơ quan, đơn vị tổ chức

**IV. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC THU, CHẾ ĐỘ THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG PHÍ THAM QUAN DANH LAM THẮNG CẢNH, DI TÍCH LỊCH SỬ, CÔNG TRÌNH VĂN HÓA VÀ BẢO TÀNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

## **1. Cơ sở ban hành Nghị quyết**

### **a) Cơ sở pháp lý**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12;
- Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 33/2024/QH15, Luật số 35/2024/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 60/2024/QH15, Luật số 74/2025/QH15, Luật số 89/2025/QH15, Luật số 94/2025/QH15 và Luật số 95/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13;
- Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;
- Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;
- Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;
- Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định số 362/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Phí và lệ phí;
- Căn cứ Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 46/2006/TTLT/BVHTT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa;

- Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC;

- Căn cứ Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

- Căn cứ Nghị quyết số 67/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí tham quan danh lam thắng cảnh, phí tham quan di tích lịch sử, phí tham quan công trình văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

- Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định việc áp dụng, bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh được nhập do sắp xếp đơn vị hành chính.

### **b) Cơ sở thực tiễn**

Trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp hiện có 295 di tích được xếp hạng các cấp cùng nhiều công trình văn hóa, địa điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng mang giá trị lịch sử, văn hóa và giáo dục truyền thống. Phần lớn các di tích, công trình văn hóa này được duy trì hoạt động chủ yếu nhằm phục vụ công tác giáo dục truyền thống cách mạng, lòng yêu nước, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; đồng thời đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập, tham quan, sinh hoạt văn hóa cộng đồng và hưởng thụ văn hóa của Nhân dân nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, học sinh, sinh viên và du khách dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu các giá trị lịch sử, văn hóa của địa phương, đồng thời thúc đẩy việc kết nối tour, điếm du lịch với một số di tích góp phần phát triển du lịch của tỉnh trong thời gian tới.

Tuy nhiên, đối với Bảo tàng tỉnh là thiết chế văn hóa chuyên ngành thực hiện chức năng sưu tầm, bảo quản, nghiên cứu, trưng bày và phát huy giá trị di sản văn hóa của địa phương. Việc mở rộng không gian trưng bày, bảo quản hiện vật, ứng dụng công nghệ số, tổ chức các hoạt động giáo dục di sản và phục vụ khách tham quan đòi hỏi kinh phí thường xuyên cho công tác vận hành, bảo dưỡng cơ sở vật chất và nâng cao chất lượng phục vụ. Do vậy, đề xuất thực hiện thu phí đối với Bảo tàng tỉnh phù hợp với mặt bằng chung của bảo tàng các tỉnh lân cận, góp phần hình thành nguồn kinh phí hỗ trợ cho công tác quản lý, vận hành và nâng cao chất lượng hoạt động của bảo tàng trong thời gian tới.

Mặt khác, Khu Di tích Xẻo Quít trước đây thuộc Trung tâm Xúc tiến Thương mại Du lịch và Đầu tư trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (cũ) quản lý, thời gian trước nhập tỉnh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp (cũ) phê duyệt Đề án khai thác du lịch trên nền tảng phát huy giá trị di tích lịch sử kèm theo các dịch vụ phục vụ du khách. Đồng thời, Khu di tích Xẻo Quít đã được đầu tư một số hạng mục phục vụ khách du lịch. Vườn quốc gia Tràm Chim

(thuộc loại hình Danh lam thắng cảnh) là đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, từ trước đến nay đã có định hướng khai thác du lịch, bắt đầu thực hiện thu phí tham quan từ năm 2016. Việc thu phí tại 02 đơn vị này được dư luận xã hội đồng thuận cao, thu hút nhiều khách du lịch đến tham quan. Nguồn thu cũng góp phần trong việc vận hành, khai thác của đơn vị.

Đối với các di tích lịch sử văn hóa Chiến thắng Ấp Bắc, Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút và Nam kỳ Khởi nghĩa (Đình Long Hưng) được thực hiện thu phí theo Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang (cũ) nhưng trong thời gian qua chỉ thu được số kinh phí rất thấp. Do đó, 03 di tích trên không tiếp tục thực hiện việc thu phí tham quan và các di tích còn lại trong tỉnh không thu phí do đối tượng chủ yếu tham quan tại các di tích này là học sinh tiểu học, trung học cơ sở và cán bộ lão thành cách mạng, các đối tượng này phần lớn được miễn phí tham quan. Đồng thời, việc thu phí tại các di tích lịch sử văn hóa nêu trên cần được đánh giá một cách toàn diện về sự kết nối với tour, tuyến du lịch bền vững và thu hút khách tham quan. Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo ngành chuyên môn đang rà soát, nâng cấp, nghiên cứu khai thác du lịch trên cơ sở phát huy các giá trị để phát triển du lịch thời gian tới, nên trong giai đoạn này chưa đề xuất trình thu phí đối với các di tích Chiến thắng Ấp Bắc, Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút và Nam kỳ khởi nghĩa (Đình Long Hưng) và các di tích còn lại trong tỉnh.

Vì vậy, dự thảo Nghị quyết quy định thu phí tham quan đối với Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp, Vườn Quốc gia Tràm Chim và Khu Di tích Xẻo Quít, không thực hiện thu phí đối với các di tích lịch sử, công trình văn hóa còn lại trên địa bàn tỉnh là phù hợp với điều kiện thực tiễn, yêu cầu quản lý và từng bước sẽ nâng cấp các di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia theo định hướng phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử gắn với phát triển du lịch của tỉnh Đồng Tháp trong thời gian tới.

## **2. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết**

Thực hiện các quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 837/UBND-TCDNC ngày 23/3/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương tham mưu xử lý kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật phục vụ công tác quản lý nhà nước sau sáp nhập; Tờ trình số 361/TTr-UBND ngày 27/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp chấp thuận đề nghị xây dựng nghị quyết trình tại các kỳ họp năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng Đề án và dự thảo Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Quá trình xây dựng Nghị quyết thực hiện theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ): tổ chức khảo

sát, đánh giá thực trạng; lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương và đơn vị có liên quan; đăng tải dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; tổ chức thẩm định của Sở Tư pháp; hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành theo quy định.

### **3. Nội dung dự thảo Nghị quyết**

#### **a) Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 2 Thông tư số 85/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 106/2021/TT-BTC, áp dụng cho các địa điểm: Bảo tàng tỉnh Đồng Tháp, Vườn Quốc gia Tràm Chim, Khu Di tích Xẻo Quýt.

#### **b) Đối tượng áp dụng**

- Đối tượng nộp phí: Khách tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (bao gồm khách là người Việt Nam và người nước ngoài).

- Đối tượng thu phí: Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa và bảo tàng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**4. Kinh phí thực hiện:** Sử dụng từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí và nguồn phí được để lại theo quy định.

## **V. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC CHI THỰC HIỆN CÔNG TÁC THĂM DÒ, KHAI QUẬT KHẢO CỔ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

### **1. Cơ sở ban hành Nghị quyết**

#### **a) Cơ sở pháp lý**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;
- Căn cứ Luật ban hành Văn bản quy phạm pháp luật năm 2025;
- Căn cứ Nghị định số 78/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;
- Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;
- Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23/11/2024;

- Căn cứ Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

- Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28/11/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

- Căn cứ Thông tư số 67/2019/TT-BTC ngày 23/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước.

## **b) Cơ sở thực tiễn**

Ngày 23/9/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 67/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung và mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước, trong đó, tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 67/2019/TT-BTC quy định: “2. *Căn cứ mức chi quy định tại Thông tư này và khả năng cân đối nguồn ngân sách của địa phương: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định mức chi và việc sử dụng kinh phí thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương và đảm bảo theo quy định hiện hành*”.

Ngày 21/4/2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp (trước đây) đã ban hành Nghị quyết số 315/2020/NQ-HĐND quy định mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang (trước đây) chưa ban hành Nghị quyết quy định mức chi và việc sử dụng kinh phí thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ nguồn ngân sách nhà nước phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương theo quy định của Thông tư số 67/2019/TT-BTC nêu trên.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Tiền Giang hợp nhất thành tỉnh Đồng Tháp (mới), do đó cần thiết phải ban hành mới Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh để phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo tính pháp lý khi triển khai thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến công tác thăm dò, khai quật khảo cổ trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

## **2. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết**

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh quy định mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện công

tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, cụ thể:

+ Tổ chức lấy ý kiến các sở, ban, ngành, đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Nghị quyết, đồng thời, lấy ý kiến Sở Tài chính về nguồn tài chính; Sở Nội vụ về việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và nguồn nhân lực; Sở Tư pháp về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật; Đăng tải hồ sơ Dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh với thời gian 10 ngày (kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2026).

+ Tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, phản biện xã hội, đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Trang thông tin điện tử của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thẩm định.

+ Tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình dự thảo nghị quyết đến Hội đồng nhân dân tỉnh theo Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Các Ban của Hội đồng nhân dân thẩm tra dự thảo nghị quyết trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

### **3. Nội dung dự thảo Nghị quyết**

a) Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

b) Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác thăm dò, khai quật khảo cổ từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

### **4. Kinh phí thực hiện**

- Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

- Huy động nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác từ các đơn vị, tổ chức và cá nhân để thực hiện công tác thăm dò, khai quật khảo cổ đảm bảo hợp pháp.

## **VI. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CÁC CHẾ ĐỘ, TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC CHI CHO THÀNH VIÊN ĐỘI THỂ THAO VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC GIẢI THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

### **1. Cơ sở xây dựng dự thảo Nghị quyết**

#### **a) Cơ sở pháp lý**

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

- Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14, Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
- Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cho tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác;
- Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 31/2024/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;
- Căn cứ Thông tư số 35/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;
- Căn cứ Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Ban hành quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao và một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

#### b) Cơ sở thực tiễn

- Hàng năm, Cục Thể dục thể thao (TDTT) thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch triệu tập huấn luyện viên (HLV), vận động viên (VĐV) tài năng từ các địa phương để tập huấn, sàng lọc và thành lập đội tuyển quốc gia tham dự giải quốc tế. Việc này không chỉ là vinh dự cá nhân HLV, VĐV mà còn khẳng định vị thế địa phương. Tỉnh Đồng Tháp đóng góp nhiều HLV, VĐV xuất sắc, đạt thành tích cao tại các giải khu vực, châu lục và thế giới, góp phần nâng cao vị thế thể thao Việt Nam, phong phú đời sống văn hóa nhân dân, truyền cảm hứng cho thế hệ trẻ và phát huy tinh thần dân tộc.
- Hiện nay, công tác chi trả chế độ, chính sách đối với hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh đang được áp dụng theo Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương làm căn cứ ban hành Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND đến nay đã chính thức được thay thế. Cụ thể: Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL được thay thế bằng Thông tư số

117/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính; Nghị định số 152/2018/NĐ-CP được thay thế bằng Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ.

Do đó, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND là yêu cầu khách quan và hết sức cần thiết. Việc điều chỉnh này nhằm kịp thời cụ thể hóa các quy định mới của Trung ương, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. Đồng thời, văn bản mới sẽ xác lập cơ sở pháp lý chặt chẽ trong việc phân bổ, quyết toán kinh phí cho cấp xã tổ chức và tham gia các giải thể thao, Đại hội Thể dục thể thao các cấp; phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy hành chính hai cấp hiện nay của địa phương. Trên tinh thần kế thừa ổn định, chính sách mới đảm bảo sự tương đồng với các tỉnh trong khu vực, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy phong trào thể dục thể thao quần chúng tại cơ sở.

## **2. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết**

- Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch khẩn trương chủ trì, phối hợp với các cơ quan chuyên môn nghiên cứu, lập đề xuất và xây dựng dự thảo Nghị quyết.

- Đăng tải hồ sơ dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; Lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự thảo Nghị quyết, thẩm định của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Tiếp thu, giải trình ý kiến, hoàn thiện dự thảo theo đúng quy định.

## **3. Nội dung Nghị quyết**

### **a) Phạm vi điều chỉnh**

Dự thảo Nghị quyết quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao do tỉnh Đồng Tháp tổ chức hoặc tham gia và các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi cho thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu trên địa bàn Tỉnh.

### **b) Đối tượng áp dụng**

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động thể thao trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Các huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao của tỉnh Đồng Tháp trong thời gian tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu các giải thể thao.

**4. Kinh phí thực hiện:** Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; nguồn vận động, tài trợ, xã hội hóa và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## **VII. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

### **1. Sự cần thiết ban hành văn bản**

Ngày 29/7/2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Nghị quyết số 12/NQ-HĐND quyết định việc áp dụng, bãi bỏ một số Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh được nhập do sắp xếp đơn vị hành chính. Trong đó, quyết định tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 13/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30/11/2025, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tại Khoản 3 Điều 2, quy định: ***“3. Căn cứ định mức quy định tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.”***

Với cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là cần thiết, có cơ sở pháp lý và phù hợp với yêu cầu, quy định của văn bản Trung ương.

## **2. Mục tiêu**

Việc ban hành Nghị quyết nhằm cụ thể hóa Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN quy định: ***“3. Căn cứ định mức quy định tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.”*** Thực hiện nhiệm vụ được Trung ương giao và phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

## **3. Đối tượng áp dụng**

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **4. Nội dung chi và mức chi, gồm:**

- Nội dung và mức chi công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

Căn cứ vào Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và các quy định hiện hành, Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu đề xuất mức chi đối với nhiệm vụ khoa

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo **bằng 80%** so với mức chi được quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN. Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo **cơ sở bằng 60%** so với mức chi quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN (nhiệm vụ cơ sở quy định tại điểm c khoản 1 Điều 16 Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, *Luật số 93/2025/QH15*).

- Nội dung, mức chi liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
01	Khoán tiền phương tiện đi lại hỗ trợ hoạt động chuyên môn của thành viên Hội đồng khoa học và công nghệ; công chức các cơ quan có liên quan đến công tác quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo	Tháng/người	500.000
02	Chi hậu cần phục vụ các cuộc họp có liên quan (tối đa không quá 02 người/cuộc)	Người/cuộc	50.000

## 5. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách địa phương.
2. Kinh phí của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đối ứng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có).
3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

## VIII. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC CHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM, HÀNG HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

### 1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Trước thời điểm hợp nhất, 02 tỉnh Tiền Giang và tỉnh Đồng Tháp (cũ) thực hiện mức chi thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa đến năm 2030 theo các Nghị quyết: **(i)** Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2021 - 2030 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND); **(ii)** Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 của HĐND tỉnh Đồng Tháp (cũ) Ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế đầu tư vào hoạt động khoa học và công

*nghe trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (một phần Nghị quyết này có nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng).*

Sau sáp nhập tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 04/11/2025 về áp dụng, bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh được nhập do sắp xếp đơn vị hành chính; theo đó, Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND tiếp tục áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh Đồng Tháp (mới).

Hiện tại, Sở Khoa học và Công nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao triển khai Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND để hỗ trợ doanh nghiệp; Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND đang được triển khai rất hiệu quả vì phù hợp với nhu cầu của Doanh nghiệp trong việc nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Tuy nhiên, để hoàn chỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội sau sáp nhập, đảm bảo tiếp tục phát huy hiệu quả đạt được cần thiết phải xây dựng và ban hành mới quy định (theo hướng kế thừa và cập nhật những nội dung của Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND). Việc ban hành Nghị quyết mới sẽ đảm bảo tính thống nhất, minh bạch trong cơ chế hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và cơ quan quản lý, đồng thời, tạo hành lang pháp lý để tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình trên địa bàn tỉnh sau hợp nhất.

Từ cơ sở nêu trên, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030 là cần thiết, phù hợp với quy định tại Thông tư số 35/2021/TT-BTC và phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**2. Mục tiêu:** Cụ thể hóa các quy định của Trung ương, làm cơ sở cho việc xác định phạm vi, nội dung, đối tượng hỗ trợ; thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước; hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp thực hiện nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

### **3. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2026 - 2030.

### **4. Nội dung chính**

Căn cứ những quy định của Thông tư số 35/2021/TT-BTC, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết với những mức chi đã được cụ thể hóa bằng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thì thực hiện theo các văn bản đó, những nội dung không phát sinh đối với địa phương thì thống nhất không đưa vào Nghị quyết.

*Mức chi theo các Điều của dự thảo Nghị quyết gồm:*

**Điều 2.** *Mức chi thực hiện công tác thông tin, truyền thông về năng suất chất lượng*

**Điều 3.** *Mức chi thực hiện đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động nâng cao năng suất chất lượng.*

**Điều 4.** *Mức chi tăng cường năng lực hoạt động tiêu chuẩn hóa và đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật*

**Điều 5.** *Mức chi hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh*

**Điều 6.** *Mức chi phục vụ công tác quản lý, hoạt động chung của Chương trình Năng suất chất lượng.”.*

### **5. Nguồn kinh phí thực hiện**

- Nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị và địa phương theo phân cấp ngân sách;
- Nguồn kinh phí của các doanh nghiệp;
- Nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

*(Đính kèm các Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và các tài liệu liên quan)./.*

#### Nơi nhận:

- Như trên,
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Thường trực Đảng ủy,
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- CT, các PCT UBND tỉnh,
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP,  
P.ĐTQH, P.KT, BTCĐNC,
- Lưu VPĐU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**